

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân, gia đình sơ thẩm thụ lý số: 500/2025/HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, về “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị N**, số CCCD: 034178007064,

Bị đơn: ông **Cao Văn Đ**, số CCCD: 031068007004,

Cùng địa chỉ: 8 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng nơi cư trú: G Đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Cùng địa chỉ liên lạc: F Đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ:

Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2025 là hoàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ có hai con chung là: Cao Ngọc P, nữ, sinh ngày 19/9/2001 (đã thành niên) và Cao Trí D, nam, sinh ngày 25/12/2008.

Giao ông Cao Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Cao Trí D, nam, sinh ngày 25/12/2008, cho đến khi thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ tự thỏa thuận giải quyết.

2.5. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị N và ông Cao Văn Đ xác định không có.

3. Án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị N đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu BLTU/24P, số: 0078734 ngày 13/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 150.000 ngàn (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai trên.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018, ngày 16/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, Thành phố Hải Phòng (nay là xã N, Thành phố Hải Phòng), không còn giá trị kể từ ngày ban hành Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân xã Nam An Phú, Thành

THẨM PHÁN

Lê Nam Hải

phố Hải Phòng (để biết);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.